TÒA ÁN NHÂN DÂN **QUẬN HẢI CHÂU** **THÀNH PHỐ ĐÀ NẴNG**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**
Số: 297/2018/QĐST-HNGĐ	*Đà Nẵng, ngày 25 tháng 9 năm 2018*

QUYẾT ĐỊNH
CÔNG NHẬN THUẬN TÌNH LY HÔN VÀ SỰ THOẢ THUẬN CỦA CÁC ĐƯƠNG SỰ

- Căn cứ hồ sơ việc Hôn nhân và gia đình sơ thẩm thụ lý số 277/2018/TLST-HNGĐ ngày 31 tháng 8 năm 2018, giữa người yêu cầu:

1. Ông Phan Hồ N, sinh năm 1992

2. Bà Cao Vũ T, sinh năm 1990

Cùng địa chỉ: đường P, phường B, quận H, thành phố Đà Nẵng

- Căn cứ vào Điều 212 và Điều 213 của Bộ luật tố tụng dân sự;

- Căn cứ vào Điều 55, Điều 58, Điều 81, Điều 82 và Điều 83 của Luật hôn nhân và gia đình;

- Căn cứ vào biên bản ghi nhận sự tự nguyện ly hôn và hoà giải thành ngày 17 tháng 9 năm 2018.

XÉT THẤY:

Việc thuận tình ly hôn và thoả thuận của các đương sự được ghi trong biên bản ghi nhận sự tự nguyện ly hôn và hoà giải thành ngày 17 tháng 9 năm 2018 là hoàn toàn tự nguyện và không trái pháp luật, không trái đạo đức xã hội.

Đã hết thời hạn 07 ngày, kể từ ngày lập biên bản ghi nhận sự tự nguyện ly hôn và hoà giải thành, không có đương sự nào thay đổi ý kiến về sự thoả thuận đó.

QUYẾT ĐỊNH:

1. Công nhận sự thuận tình ly hôn giữa: Ông Phan Hồ N và bà Cao Vũ T.

2. Công nhận sự thoả thuận của các đương sự cụ thể như sau:

- *Về quan hệ hôn nhân:* Ông Phan Hồ N và bà Cao Vũ T thuận tình ly hôn.

- *Về con chung:* Ông Phan Hồ N và bà Cao Vũ T xác định có một con chung tên Phan Châu T - sinh ngày 27/10/2016. Ly hôn, bà Cao Vũ T là người trực tiếp nuôi dưỡng con chung. Ông Phan Hồ N cấp dưỡng nuôi con mỗi tháng 3.000.000đ, kể từ khi ly hôn cho đến khi con chung đủ 18 tuổi.

Các bên đều có quyền và nghĩa vụ đối với con chung theo quy định của pháp luật.

- *Về tài sản chung:* Ông Phan Hồ N và bà Cao Vũ T xác định không có tài sản chung.

- *Về nợ chung:* Ông Phan Hồ N và bà Cao Vũ T xác định không có nợ chung.

- *Lệ phí hôn nhân và gia đình sơ thẩm:* Ông Phan Hồ N và bà Cao Vũ T phải chịu lệ phí Hôn nhân và gia đình sơ thẩm là 300.000 đồng (Ba trăm nghìn đồng) nhưng được trừ vào số tiền tạm ứng lệ phí đã nộp 300.000 đồng (Ba trăm nghìn đồng) theo biên lai thu số 3713 ngày 31 tháng 8 năm 2018 của Chi cục thi hành án dân sự quận Hải Châu, thành phố Đà Nẵng; ông N và bà T đã nộp đủ lệ phí Hôn nhân và gia đình sơ thẩm.

3. Quyết định này có hiệu lực pháp luật ngay sau khi được ban hành và không bị kháng cáo, kháng nghị theo thủ tục phúc thẩm.

Kể từ khi quyết định có hiệu lực pháp luật, người được thi hành án có đơn yêu cầu thi hành án mà người phải thi hành án không thực hiện nghĩa vụ thì hàng tháng bên phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi trên số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất quy định tại Khoản 2 Điều 468 Bộ luật dân sự năm 2015.

Quyết định này được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

THẨM PHÁN
Đã ký

Trần Thanh Thủy

Nơi nhận:
- Người yêu cầu;
- VKSND quận Hải Châu;
- Chi cục THADS quận Hải Châu;
- UBND phường T;
- Lưu hồ sơ.